

Hãy nói cho tôi biết bạn quản lý rủi ro ra sao, tôi sẽ nói ngân hàng của bạn thế nào”

Câu nói trên của Tiến sĩ S. L. Srinivasulu, Chủ tịch tập đoàn KESDEE Inc đã cho thấy được tầm quan trọng của quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Nó là phần cốt lõi phản ánh hiệu quả của bất kỳ hoạt động nào của ngân hàng, là thước đo chính xác nhất cho sự phát triển của mỗi ngân hàng trong tương lai. Một ngân hàng quản lý rủi ro tốt nghĩa là ngân hàng đó ít bị ảnh hưởng bởi những tác động do rủi ro không lường trước. Điều này có nghĩa là ngân hàng quản lý nguồn vốn đảm bảo chi trả được phần lớn những tổn thất đó nhằm

đưa ngân hàng đi theo đúng quỹ đạo mà các nhà lãnh đạo kỳ vọng.

Rủi ro và quản lý rủi ro

Rủi ro trong một tổ chức ngân hàng được xem là khả năng mà một hành động hoặc một sự kiện nào đó có thể đem đến những kết quả bất lợi cho hoạt động của ngân hàng. Rủi ro ở đây không đồng nhất với tổn thất xảy ra trong bất kỳ hoạt động nào. Các ngân hàng tại Việt Nam thường cho rằng họ quản lý rủi ro nghĩa là họ tính toán được mức thua lỗ dự kiến trong hoạt động của ngân hàng và quản lý chúng bằng một số phương tiện bao gồm khoản dự phòng thông qua việc quản lý vốn của hoạt động ngân hàng. Tuy nhiên, đây là

một quan niệm sai lầm trong việc quản lý rủi ro thực sự. Quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng nói chung nghĩa là cần phải tính toán được những vấn đề có khả năng xảy ra mà ngân hàng chưa tính đến, làm ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn vốn của tổ chức hoặc tạo ra những trở ngại, ngăn cản tổ chức tiếp tục kinh doanh và tận dụng cơ hội tạo ra lợi nhuận.

Như vậy, dự phòng rủi ro mà các ngân hàng công bố theo quy định hiện nay có giá trị lớn hay nhỏ không khẳng định được ngân hàng nào quản lý rủi ro tốt hơn, vì khoản dự phòng này phản ánh những tổn thất mà mỗi ngân hàng dự kiến được. Theo đó, về mặt bản chất đó không phải là hình thức quản lý rủi ro.

Quản lý rủi ro và quản lý vốn

Các ngân hàng luôn mong muốn giảm thiểu vốn họ nắm giữ, bởi vì việc giảm vốn sẽ giải phóng các nguồn lực kinh tế nhằm đầu tư tạo ra lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, việc nắm giữ ít vốn sẽ dẫn tới hậu quả là không thể đáp ứng được các nghĩa vụ trả nợ, nếu có tổn thất ngoài nguồn dự phòng có thể được bù đắp sẽ xảy ra. Do vậy, các ngân hàng luôn cần phải cân bằng giữa rủi ro và lợi ích của việc nắm giữ vốn. Mối quan hệ giữa việc quản lý vốn và quản lý rủi ro được hiểu một cách đơn giản nhất là mỗi ngân hàng làm thế nào tính toán được mức dự trữ vốn để bù đắp được những tổn thất không dự kiến được trong hoạt động ngân hàng.

Theo đó, với những cách xác định về phương thức quản lý rủi ro khác nhau, mức độ rủi ro khác nhau tùy từng thời điểm, các ngân hàng thực hiện giám sát rủi ro nhằm khẳng định rằng mức độ quản lý rủi ro của họ thế nào? Đã đáp ứng được các tiêu chuẩn của NHNN hoặc theo thông lệ quốc tế hay chưa?

Trên thế giới có 2 phương thức để giám sát hoạt động ngân hàng là giám sát trên cơ sở kế toán và giám sát trên cơ sở rủi ro.

MỐI QUAN HỆ GIỮA QUẢN LÝ RỦI RO VÀ QUẢN LÝ VỐN

TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG TẠI VIỆT NAM

Ths. LÊ THỊ VÂN KHANH





Tại VN hiện nay, hầu hết các ngân hàng mới chỉ giám sát việc quản lý rủi ro trên cơ sở kế toán.

Bảng 1 dưới đây có thể cho chúng ta thấy mối quan hệ về vốn và quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng:

phản ánh chất lượng quản lý rủi ro của ngân hàng, vì dự phòng theo quy định tại Quyết định 493/QĐ-NHNN mới chỉ tính

Chỉ tiêu	Giám sát trên cơ sở kế toán	Giám sát trên cơ sở rủi ro
Nguyên lý	Tuân theo Hiệp định Basel I	Tuân theo Hiệp định Basel II
Loại tổn thất	Tổn thất đã lường trước được	Tổn thất không lường trước được
Mức vốn cần nắm giữ để bao hàm rủi ro	Dự phòng	Vốn kinh tế

Tại VN hiện nay, hầu hết các ngân hàng mới chỉ giám sát việc quản lý rủi ro trên cơ sở kế toán. Các quy định điều chỉnh liên quan đến quản lý rủi ro, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (TT13, TT19) và tính toán mức dự phòng (QĐ 493) hầu như mới chỉ tuân thủ theo Hiệp định Basel I.

Theo số liệu thống kê của một số ngân hàng tại VN năm 2009 từ Bảng 2⁽¹⁾ cho thấy, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và mức dự phòng của các ngân hàng được công bố rất khác nhau. Tuy nhiên, điều này không

toán cho những tổn thất đã dự kiến được. Quản lý rủi ro tốt là NH cần dự kiến được mức lỗ nếu có rủi ro và phát sinh những tổn thất ngoài nguồn dự phòng trên, nghĩa là NH tính toán được mức vốn kinh tế tương đương với vốn hạch toán trên dữ liệu của ngân hàng vì nếu vốn kinh tế lớn hơn vốn hạch toán thì xác suất phá sản của ngân hàng lớn, ngược lại nếu vốn kinh tế nhỏ hơn vốn hạch toán thì mức độ sử dụng vốn của ngân hàng chưa hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

Có rất nhiều cách tiếp cận để xác định một ngân hàng cần nắm giữ bao nhiêu vốn, cách tiếp cận IRB theo Basel II tập trung vào tấn suất phá sản ngân hàng xuất phát từ thua lỗ tín dụng. Mô hình danh mục đầu tư tín dụng ngẫu nhiên, có thể ước tính tổng số tổn thất với xác suất phá sản của ngân hàng. Theo đó, vốn được thiết lập để đảm bảo rằng những tổn thất ngoài dự kiến sẽ vượt qua mức vốn này với xác suất cố định và rất nhỏ.

Đường cong trong hình 1⁽²⁾ mô tả khả năng thua lỗ ở một quy mô nhất định, diện tích phía dưới đường cong là 100% biểu thị mật độ xác suất. Khả năng mà ngân hàng không thể đáp ứng các nghĩa vụ bằng lợi nhuận và vốn khi tổng số tổn thất vượt qua tổng giá trị tổn thất dự kiến được (EL) và tổn thất ngoài dự kiến (UL) bằng diện tích đậm màu bên phải đường cong.

Phần mức tin cậy và ngưỡng tương ứng được gọi là giá trị chịu rủi ro VaR tại mức tin cậy này, tùy vào danh mục hoạt động của ngân hàng để thực hiện tính toán mức vốn dựa trên chênh lệch giữa EL và VaR, nếu EL được bù đắp bởi khoản dự phòng hoặc doanh thu của ngân hàng thì khả năng ngân hàng đó sẽ duy trì khả năng trả nợ trong thời gian 1 năm sẽ bằng độ tin cậy. Theo đó, mức vốn được thiết lập để duy trì mức độ tin cậy cố định của mỗi ngân hàng.

Có thể nói, mối quan hệ giữa quản lý rủi ro và quản lý vốn rất chặt chẽ, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hoạt động của ngân hàng. Các ngân hàng giải quyết được mối quan hệ này sẽ đảm bảo được tính ổn định và phát triển trong quá trình hoạt động, đồng thời là yếu tố để xác định mức xếp hạng ngân hàng của các tổ chức uy tín trên thế giới ■

1 Nguồn: Báo cáo thường niên năm 2009 của các ngân hàng

2 Nguồn: Tài liệu đào tạo dự án giám sát ngân hàng do JICA tài trợ 12/2010

Tên ngân hàng	Tỷ lệ dự phòng (2009)	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (2009)
VCB	0.27%	8.11%
STB	0.69%	11.41%
ACB	0.41%	9.97%
Vietinbank	0.06%	8.06%
BIDV	3%	7.55%

